




|   |  |                           |
|---|--|---------------------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><br>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Mã hiệu: QT-02/QHKT       |
|   |  | Lần ban hành: 01          |
|   |  | Ngày ban hành: 05/11/2020 |

**MỤC LỤC**

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| Trách nhiệm | Soạn thảo   | Xem xét  | Phê duyệt   |
|-------------|---|--|---|
| Họ tên      | Đặng Hoàng Phương   | Chu Đức Long   | Cao Trường Sơn  |
| Chữ ký      |  |  |  |
| Chức vụ     | Trưởng phòng  | Phó Giám đốc   | Giám đốc  |



|   |   |                |                |
|---|---|----------------|----------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b>  | Mã hiệu:       | QT-<br>02/QHKT |
|   | <b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh</b> | Lần ban hành:  | 01             |
|   |   | Ngày ban hành: | 05/11/2020     |

### **1. MỤC ĐÍCH**

Quy định thời gian, nội dung, trách nhiệm xây dựng, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

### **2. PHẠM VI**

Áp dụng đối với hoạt động thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

Phòng Quy hoạch kiến trúc, bộ phận 1 cửa và các phòng có liên quan thuộc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này

### **3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

### **4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

- UBND: Ủy ban nhân dân
- TTHC: Thủ tục hành chính
- QHKT: Phòng Quy hoạch kiến trúc

|   |   |                   |                |
|---|---|-------------------|----------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><br><b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh<br/>quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư<br/>xây dựng công trình theo hình thức<br/>kinh doanh thuộc thẩm quyền phê<br/>duyet của UBND cấp tỉnh</b> | Mã hiệu:          | QT-<br>02/QHKT |
|   |   | Lần ban<br>hành:  | 01             |
|   |   | Ngày ban<br>hành: | 05/11/2020     |

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

|              |   |                      |                    |
|--------------|---|----------------------|--------------------|
| <b>5.1</b>   | <b>Cơ sở Pháp lý</b>  |                      |                    |
|              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch của Quốc hội, số 35/2018/QH14.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14</li> <li>- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;</li> <li>- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Nghị định 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính</li> <li>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;</li> <li>- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị</li> <li>- Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết TTHC của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện</li> </ul> |                      |                    |
| <b>5.2</b>   | <b>Thành phần hồ sơ</b>   | <b>Bản<br/>chính</b> | <b>Bản<br/>sao</b> |
| <b>5.2.1</b> | <b>Đối với hồ sơ đồ án quy hoạch lập mới</b>  |                      |                    |
| 1.           | Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án  | x                    |                    |
| 2.           | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt  |                      | x                  |
| 3.           | Hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn lập quy hoạch (trong đó yêu cầu có chứng chỉ năng lực của tổ chức lập quy hoạch xây dựng hạng II trở lên, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân tham gia lập quy hoạch) các văn bản pháp lý có liên quan đối với việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch   |                      | x                  |

|   |   |                   |                |
|---|---|-------------------|----------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><br><b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh<br/>quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư<br/>xây dựng công trình theo hình thức<br/>kinh doanh thuộc thẩm quyền phê<br/>duyet của UBND cấp tỉnh</b> | Mã hiệu:          | QT-<br>02/QHKT |
|   |   | Lần ban<br>hành:  | 01             |
|   |   | Ngày ban<br>hành: | 05/11/2020     |

|              |   |   |  |   |
|--------------|---|---|--|---|
| 4.           | - Văn bản ý kiến cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức có liên quan. (Điều 16, 17 Luật Xây dựng; Điều 20, 21 Luật quy hoạch đô thị)<br>- Văn bản góp ý thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (Đ13, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy)<br>- Nội dung giải trình, tiếp thu các ý kiến các đơn vị nêu trên.  |   |  | x |
| 5.           | Thuyết minh nội dung đồ án, bao gồm cả bản vẽ in màu khổ A3, các phụ lục tính toán và các văn bản có liên quan kèm theo   | x |  |   |
| 6.           | Dự thảo tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;  | x |  |   |
| 7.           | File mềm (đĩa CD, DVD hoặc USB) có lưu các file bản vẽ theo định dạng AutoCad (dwg); các file tài liệu khác theo định dạng có đuôi pdf, jpg, doc, xls...)   | x |  |   |
| 8.           | Thành phần bản vẽ đảm bảo các bản vẽ sau:<br>1. Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất (tỷ lệ 1/2000);<br>2. Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng (tỷ lệ 1/500);<br>3. Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (tỷ lệ 1/500);<br>4. Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan (tỷ lệ 1/500);<br>5. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500);<br>6. Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật (tỷ lệ 1/500);<br>7. Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật (tỷ lệ 1/500);<br>8. Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (tỷ lệ 1/500);<br>9. Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có - tỷ lệ thích hợp);<br>10. Các bản vẽ thiết kế đô thị (hoặc các bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan đối với quy hoạch xây dựng khu chức năng) trong khu vực lập quy hoạch (tỷ lệ thích hợp); | x |  |   |
| 9.           | Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có)   | x |  |   |
| <b>5.2.2</b> | <b>Đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch</b>   |   |  |   |
| 1.           | Đối với điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng: Thành phần hồ sơ đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng thực hiện các các yêu cầu như đối với quy hoạch mới tại mục <b>5.2.1</b>  |   |  |   |
| 2.           | Đối với Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng (Tại Đ19 của Thông tư số 12/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng), bao gồm:<br>- Văn bản được giao làm chủ đầu tư dự án (Quyết định phê duyệt chủ trương  | x |  |   |

|   |   |                   |                |
|---|---|-------------------|----------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><br><b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh<br/>quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư<br/>xây dựng công trình theo hình thức<br/>kinh doanh thuộc thẩm quyền phê<br/>duyet của UBND cấp tỉnh</b> | Mã hiệu:          | QT-<br>02/QHKT |
|   |   | Lần ban<br>hành:  | 01             |
|   |   | Ngày ban<br>hành: | 05/11/2020     |

|            |   |  |  |
|------------|---|--|--|
|            | <p>đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết,...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản UBND tỉnh đồng ý việc lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết dự án.</li> <li>- Hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn lập quy hoạch (trong đó yêu cầu có chứng chỉ năng lực của tổ chức lập quy hoạch xây dựng hạng II trở lên, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân tham gia lập quy hoạch) các văn bản pháp lý có liên quan đối với việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch</li> <li>- Văn bản ý kiến cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức có liên quan và nội dung giải trình tiếp thu các ý kiến các đơn vị nêu trên.</li> <li>- Hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo của cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng (trong đó nêu rõ: Lý do, sự cần thiết thực hiện Điều chỉnh cục bộ quy hoạch; nội dung Điều chỉnh cục bộ quy hoạch; phân tích, làm rõ tính liên tục, đồng bộ của toàn bộ đồ án quy hoạch xây dựng và hiệu quả kinh tế - xã hội của việc Điều chỉnh cục bộ quy hoạch; đề xuất biện pháp khắc phục các vấn đề mới nảy sinh do Điều chỉnh cục bộ; lộ trình, tiến độ thực hiện theo Điều chỉnh quy hoạch cục bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định. Kèm theo các văn bản pháp lý và tài liệu liên quan).</li> <li>+ Các bản vẽ thể hiện các nội dung Điều chỉnh cục bộ, xác định các chỉ tiêu quy hoạch đạt được sau khi Điều chỉnh cục bộ quy hoạch; có sự tham chiếu, so sánh với các chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt.</li> <li>+ Dự thảo văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định việc Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng.</li> </ul> </li> </ul> |  |  |
| <b>5.3</b> | <b>Sản phẩm kết quả thẩm định:</b> Thông báo kết quả thẩm định, chi phí thẩm định (đối với trường hợp có thu phí) gửi Chủ đầu tư  |  |  |
| <b>5.4</b> | <b>Số lượng hồ sơ</b>   |  |  |
|            | Tối thiểu 03 bộ (kèm theo file mềm bản vẽ).   |  |  |
| <b>5.5</b> | <b>Thời gian xử lý</b>  |  |  |
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 25 ngày làm việc × 8=200 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</li> <li>- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện Sở Xây dựng có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu 02) hoặc Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ (Mẫu 03). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ nêu trên (không tính vào 200 giờ); sau khi các nội dung được bổ sung, hoàn thiện đủ căn cứ Sở Xây dựng sẽ tiếp tục giải quyết tiếp (tính vào 200 giờ) nội dung đề nghị của tổ chức, cá nhân.</li> </ul>  |  |  |
| <b>5.6</b> | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>   |  |  |

|   |   |                           |
|---|---|---------------------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b>  | Mã hiệu: QT-02/QHKT       |
|   | <b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh</b> | Lần ban hành: 01          |
|   |   | Ngày ban hành: 05/11/2020 |

|                       |   |  |   |                        |                             |
|-----------------------|---|--|---|------------------------|-----------------------------|
|                       | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc tại Trung tâm phục vụ hành chính công Ninh Bình   |  |   |                        |                             |
| <b>5.7</b>            | <b>Lệ phí</b>   |  |   |                        |                             |
|                       | Theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị |  |   |                        |                             |
| <b>5.7</b>            | <b>Quy trình xử lý công việc</b>  |  |   |                        |                             |
| <b>Bước thực hiện</b> | <b>Đơn vị thực hiện</b>   | <b>Người thực hiện (ghi rõ họ tên)</b> | <b>Kết quả thực hiện</b>  | <b>Thời gian (giờ)</b> | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>     |
| <i>Bước 1</i>         | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc Trung tâm hành chính công   | Cán bộ tiếp nhận hồ sơ                 | <p>1. TCCN chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại mục 5.2 nộp trực tiếp tại BPMC, Trung tâm PVHCC tỉnh Ninh Bình</p> <p>2. Công chức BPMC Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ:</p> <p><b>a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác theo quy định:</b> Công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện TCCN bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu 02).</p> <p><b>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ:</b> Công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ (Mẫu 03).</p> <p><b>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định:</b> Công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (Mẫu 01) quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm. chuyển cho bộ phận văn thư của Sở</p> <p>d) Bộ phận văn thư phân loại trình Lãnh đạo sở phê duyệt</p> | 04 giờ                 | Mẫu: 01, 02, 03, 04, 05, 06 |
| <i>Bước 2</i>         | Lãnh đạo Sở   | Giám đốc Sở                            | - Duyệt văn bản chuyển cho Phòng Quy hoạch - Kiến trúc  | 04 giờ                 | Mẫu: 04, 05                 |

|   |   |                |                |
|---|---|----------------|----------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b>  | Mã hiệu:       | QT-<br>02/QHKT |
|   | <b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh</b> | Lần ban hành:  | 01             |
|   |   | Ngày ban hành: | 05/11/2020     |

|               |                             |   |   |             |  |
|---------------|-----------------------------|---|---|-------------|--|
|               | Phòng Quy hoạch - Kiến trúc | Trưởng phòng  | - Phòng Quy hoạch - Kiến trúc chuyển cho cán bộ chuyên môn  | 04 giờ      | Mẫu: 04, 05                            |
|               |                             | Chuyên viên thẩm định hồ sơ                             | - Thẩm định hồ sơ; Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, hội đồng thẩm định (nếu có), thời gian lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị không quá 5 ngày làm việc.<br>- Trên cơ sở thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, hội đồng thẩm định (nếu có) nếu hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện: Chuyên viên thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu 02) hoặc Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ (Mẫu 03) chuyển Cán bộ tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ hoặc TT Phục vụ HCC) thông báo cho, tổ chức và cá nhân; tạm dừng công việc hoặc kết thúc công việc nêu trên | 64 giờ      | Mẫu: 04, 02, 05; 03<br>Dự thảo văn bản |
|               |                             | Trưởng phòng  | - Thẩm định hồ sơ, tổng hợp ý kiến cơ quan, đơn vị; hội đồng thẩm định (nếu có)<br>- Dự thảo kết quả thẩm định chuyển báo cáo Trưởng phòng xem xét.   | 106 giờ     |  |
|               | Trưởng phòng                | Duyệt dự thảo, Trình Giám đốc (PGĐ) xem xét quyết định. | 04 giờ  | Mẫu: 04, 05 |  |
|               | Lãnh đạo Sở                 | Giám đốc Sở (PGĐ)                                       | Phê duyệt kết quả   | 08 giờ      | Mẫu: 04, 05;                           |
| <i>Bước 3</i> | Bộ phận văn thư             | Văn thư   | Bộ phận Văn thư của sở vào sổ, đóng dấu văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công  | 02 giờ      | Mẫu: 04, 05                            |
| <i>Bước 4</i> | Bộ phận TN&TKQ              | Cán bộ tiếp nhận  | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính  | 04 giờ      | Mẫu 01, 04, 05;                        |



|   |   |                   |                |
|---|---|-------------------|----------------|
| <b>SỞ XÂY<br/>DỰNG TỈNH<br/>NINH BÌNH</b> | <b>QUY TRÌNH</b>  | Mã hiệu:          | QT-<br>02/QHKT |
|   | <b>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh<br/>quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư<br/>xây dựng công trình theo hình thức<br/>kinh doanh thuộc thẩm quyền phê<br/>duyet của UBND cấp tỉnh</b> | Lần ban<br>hành:  | 01             |
|   |   | Ngày ban<br>hành: | 05/11/2020     |

|                  |                                   |  |   |                      |  |
|------------------|-----------------------------------|--|---|----------------------|--|
|                  | hoặc TT<br>Phục vụ<br>HCC         |  | công Thông báo cho, tổ chức và cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có); Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm  |                      | 06<br>Kết quả<br>giải<br>quyết<br>TTHC |
| <i>Bước</i><br>5 | Phòng Quy<br>hoạch - Kiến<br>trúc | Chuyên<br>viên Phòng<br>Quy hoạch<br>- Kiến trúc | Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 1 ngày trước ngày hết hạn xử lý cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân | Giờ<br>hành<br>chính | Mẫu số<br>04                           |

#### 6. BIỂU MẪU

| TT | Tên Biểu mẫu   |
|----|--|
| 1  | Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018<br>Mẫu 01 - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả<br>Mẫu 02 - Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ<br>Mẫu 03 - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ<br>Mẫu 04 - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả<br>Mẫu 05 - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ<br>Mẫu 06 - Sổ theo dõi hồ sơ |

#### 7. HỒ SƠ LƯU: Hồ sơ lưu bao gồm các thành phần sau

| TT | Hồ sơ lưu (bản chính hoặc bản sao theo quy định)  |
|----|---|
| 1  | Thành phần hồ sơ theo mục 5.2   |
| 2  | - Kết quả giải quyết TTHC<br>- Các văn bản khác nếu có phát sinh trong quá trình giải quyết TTHC                          |
| 3  | Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 |

Được lưu tại Phòng chuyên môn xử lý Hồ sơ và Bộ phận TN&TKQ theo quy định. Sau đó, chuyển hồ sơ về phòng Lưu trữ của cơ quan để lưu trữ theo quy định hiện hành.